

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Chi khác	12	071	6449	00000	0	0	57.600.000	57.600.000	57.600.000	57.600.000
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	514.114.421	514.114.421	514.114.421	514.114.421
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	071	6051	00000	0	0	87.154.111	87.154.111	87.154.111	87.154.111
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	14.040.000	14.040.000	14.040.000	14.040.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	175.474.630	175.474.630	175.474.630	175.474.630
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	2.106.000	2.106.000	2.106.000	2.106.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	61.572.041	61.572.041	61.572.041	61.572.041
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	129.468.079	129.468.079	129.468.079	129.468.079
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	22.376.851	22.376.851	22.376.851	22.376.851
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	14.917.900	14.917.900	14.917.900	14.917.900
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	5.431.550	5.431.550	5.431.550	5.431.550
Các khoản đóng góp khác	13	071	6349	00000	0	0	5.756.875	5.756.875	5.756.875	5.756.875
Chi khác	13	071	6449	00000	0	0	230.121.434	230.121.434	230.121.434	230.121.434
Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	7.189.085	7.189.085	7.189.085	7.189.085
Văn phòng phẩm	13	071	6551	00000	0	0	2.772.000	2.772.000	2.772.000	2.772.000
Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư	13	071	6608	00000	0	0	1.813.000	1.813.000	1.813.000	1.813.000

viện										
Khoán công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	3.200.000	3.200.000	3.200.000	3.200.000
Thuê lao động trong nước	13	071	6757	00000	0	0	9.672.000	9.672.000	9.672.000	9.672.000
Thuê đào tạo lại cán bộ	13	071	6758	00000	0	0	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	071	6912	00000	0	0	7.470.000	7.470.000	7.470.000	7.470.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	13	071	6955	00000	0	0	3.200.000	3.200.000	3.200.000	3.200.000
Chi các khoản phí và lệ phí	13	071	7756	00000	0	0	445.000	445.000	445.000	445.000
Cộng:					0	0	1.359.444.977	1.359.444.977	1.359.444.977	1.359.444.977
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thành Trung

Người ký: Vũ Thị Thanh Mai
Ngày ký: 02/04/2025 18:38:44
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước Khu vực II

Vũ Thị Thanh Mai

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Lam Vân
Ngày ký: 02/04/2025 10:34:58
Đơn vị: Trường Mẫu giáo Bông Sen 1

Nguyễn Lam Vân

Người ký: Lý Thị Kim Nga
Ngày ký: 02/04/2025 11:25:30
Đơn vị: Trường Mẫu giáo Bông Sen 1

Lý Thị Kim Nga